

Bản án số: 34 /2019/DS-PT

Ngày 06 - 6 - 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất  
và tài sản gắn liền với đất

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lộc Sơn Thái

*Các Thẩm phán:*

Bà Nguyễn Thị Hoa

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Chu Thị Kiều – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 4 và ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Tô Văn C(đã chết). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tô Văn C là: Ông Tô Văn S; ông Tô Văn B (Con trai ông C). Cư trú tại: Xóm N, thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Bà Hoàng Thị Y(đã chết). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hoàng Thị Y: Ông Tô Văn S; ông Tô Văn B (Con trai bà Y), ông Tô Văn S được ông Tô Văn B quyền tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 19/10/2018), có mặt.

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị Kim K- Luật sư, Văn phòng luật sư K thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Đặng Văn B1( B2). Cư trú tại: Xóm N, thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thế T - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 19/6/2018), có mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật ông Lăng Văn K- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

3. Ban chỉ huy quân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền ông Hứa Văn H - Cán bộ ban chỉ huy quân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 20/6/2018), vắng mặt.

4. Ông Tô Văn B. Cư trú tại: Xóm Xóm N, thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Đại diện hợp pháp của ông Tô Văn B là ông Tô Văn S (Văn bản ủy quyền ngày 19/10/2018)

5. Ông Tô Văn S. Cư trú tại: Xóm N, thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

6. Bà Hà Thị T1. Cư trú tại: Xóm N, thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

7. Bà Hoàng Thị T2. Cư trú tại: Xóm N, thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Đặng Văn L, vắng mặt.

2. Ông Đặng Văn S1, vắng mặt.

3. Ông Tô Văn Đ, vắng mặt.

4. Ông Đặng Văn T3, vắng mặt.

5. Ông Chu Văn T4, vắng mặt.

6. Ông Lộc Văn B4, vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người kháng cáo:*

Ông Tô Văn S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Tô Văn C.

Ông Đặng Văn B1 (B2) là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Bản án dân sự sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2008 gia đình ông Tô Văn C, bà Hoàng Thị Y và gia đình ông Đặng Văn B1 tranh chấp với nhau một khu rừng: Theo kết luận giám định tư pháp, trưng cầu giám định kết quả trích đo địa chính xã T huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 25/8/2016 và kết quả đo đạc do Công ty Cổ phần tư vấn Tài nguyên số 1 Lạng Sơn

thực hiện ngày 16/6/2016 và phụ lục đính kèm ngày 16/8/2018, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày của Hội đồng xét xử sơ thẩm lập ngày 30/10/2018 xác định khu đất tranh chấp thuộc khu rừng P, thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn có diện tích 17685, 2m<sup>2</sup> trong đó:

+ 9181,2m<sup>2</sup> (đất lâm nghiệp) thuộc một phần của thửa số 72, tờ bản đồ địa chính số 04, tỷ lệ 1/10.000, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; tên người sử dụng, quản lý là Ủy ban nhân dân xã T, hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 8200,5m<sup>2</sup> (Đất lâm nghiệp) thuộc một phần thửa đất số 84, tờ bản đồ địa chính số 04, tỷ lệ 1/10.000, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; tên người sử dụng, quản lý là Ủy ban nhân dân xã T, hiện tại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 24,0m<sup>2</sup> (Đất lâm nghiệp) thuộc một phần của thửa số 83, tờ bản đồ địa chính số 04, tỷ lệ 1/10.000, xã T, huyện C; tên người sử dụng, quản lý: Ban chỉ huy quân sự huyện C, hiện tại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 279,5m<sup>2</sup> (Đất nông nghiệp) thuộc thửa số 21, tờ bản đồ địa chính số 47, tỷ lệ 1/1000, xã T, huyện C, tên người sử dụng, quản lý ông Tô Văn B bà Hà Thị T1, thường trú tại: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vị trí, ranh giới, mốc giới, diện tích cụ thể của từng thửa đất được thể hiện trên mảnh trích đo địa chính số 03-2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn xác nhận ngày 15/7/2016

Trên khu đất tranh chấp có 259 cây thông có đường kính từ 12cm đến 42cm, 06 cây quýt đã cho thu hoạch trên 07 năm và một số cây gỗ tạp.

Phía nguyên đơn ông Tô Văn C và bà Hoàng Thị Y đều cho rằng: Khu đất tranh chấp là do ông cha để lại, gia đình đã trồng cây thông, cây quýt, cây nhãn, cây bưởi và một số cây gỗ tạp khác. Những cây thông to vĩ hạt từ năm 1987, những cây thông nhỏ trồng từ năm 1995 đến năm 2000, hàng năm gia đình vẫn quản lý, thu hái thường xuyên. Ngày 25/8/2008, cán bộ Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cùng ông Đặng Văn B1 đến khu rừng gia đình ông bà đang quản lý đo mốc giới, sau đó thông báo giao cho ông Đặng Văn B1 (B2) quản lý, sử dụng. Gia đình ông bà đã làm đơn khiếu nại nhưng Ủy ban nhân dân xã T vẫn giao cho ông Đặng Văn B1 (B2) quản lý, sử dụng khu rừng. Gia đình ông bà tiếp tục làm đơn khiếu nại lên Ủy ban nhân dân huyện C, Ủy ban nhân dân huyện C không căn cứ vào tình hình thực tế và các quy định của pháp luật đã ban hành quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2010 với nội dung bác đơn khiếu nại của ông bà. Ông bà tiếp tục làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh, ngày 22/7/2010 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có quyết định số 931/QĐ-UB về việc thu hồi quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, với lý do việc giải quyết tranh chấp không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003. Tại phiên hòa giải ngày 06/9/2018 và tại phiên tòa ông

Tô Văn S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 24,0 m<sup>2</sup> (Đất lâm nghiệp) thuộc một phần của thửa đất số 83, tờ bản đồ địa chính số 04, tỷ lệ 1/10.000, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tên người sử dụng, quản lý là Ban chỉ huy quân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn và 279,5m<sup>2</sup> (đất nông nghiệp) thuộc thửa số 21, tờ bản đồ địa chính số 47, tỷ lệ 1/10.000, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tên người quản lý, sử dụng: Ông Tô Văn B và bà Hà Thị T1. Nay nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục quản lý và sử dụng diện tích 17381,7m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 72 và một phần thửa đất số 84 và yêu cầu được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm 259 cây thông có đường kính từ 12cm- 14cm; 06 cây quýt đã cho thu hoạch quả 07 năm và các cây gỗ tạp khác. Buộc ông Đặng Văn B1( B2) không được có hành vi tranh chấp khu rừng trên với gia đình nguyên đơn.

Bị đơn ông Đặng Văn B1( B2) không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi quyền được quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp 17381,7m<sup>2</sup> tại khu rừng “ P” và tài sản trên đất vì lý lẽ đất có nguồn gốc do cha ông để lại, trên đất có một số cây quýt do mẹ ông trồng từ trước, hàng năm gia đình ông vẫn đến thu hoạch quả. Năm 1995 ông được trực tiếp mua 02 bó cây thông con với ông Chu Văn T4 cùng thôn trồng xuống khu đất tranh chấp, nay đã được khai thác, ngoài ra trên đất còn có một số cây gỗ tạp tự mọc, hàng năm gia đình ông vẫn quản lý. Sau khi bố ông chết năm 2005, ông Đặng Thụy L1(là bác ruột) đến tranh chấp với gia đình ông cũng chính tại khu rừng này, việc tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân xã T giải quyết cho gia đình ông quản lý và sử dụng. Năm 2007- 2008 ông Tô Văn B (con ông C và bà Y) tự ý vào hái củi chặt quanh gốc 20 cây thông và xảy ra tranh chấp; vụ việc đã được Ủy ban nhân dân xã T giải quyết giao cho gia đình ông quản lý và sử dụng. Gia đình ông Tô Văn C làm đơn khiếu nại lên Ủy ban nhân dân huyện, ngày 05/01/2010 Ủy ban nhân dân huyện C ra quyết định số 02/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông Tô Văn C, gia đình ông Tô Văn C tiếp tục làm đơn khiếu nại lên Ủy ban nhân dân tỉnh và huyện, ngày 22/7/2010 Ủy ban nhân dân huyện C lại ban hành quyết định số 931/QĐ-UBND thu hồi quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2010, lý do thu hồi là do ban hành quyết định không đúng thẩm quyền. Nay ông yêu cầu được tiếp tục quản lý và sử dụng diện tích 17381,7m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 72; thửa số 84 và yêu cầu được quyền sở hữu tài sản trên đất là 259 cây thông có đường kính từ 12cm – 42cm; 06 cây quýt đã cho thu hoạch quả 07 năm và các cây gỗ tạp nằm trên diện tích đất tranh chấp.

Ông Đặng Văn B1( B2) có ý kiến là ông không tranh chấp đối với diện tích 24m<sup>2</sup> đất của Ban chỉ huy quân sự huyện C và 279,5m<sup>2</sup> thuộc địa danh P, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã T, huyện C ông Lăng Văn K và Ủy ban nhân dân huyện C ông Nguyễn Thế T trình bày đều có nội dung: Diện tích 17381,7m<sup>2</sup> tại khu rừng P hiện ông Tô Văn C và ông Đặng Văn B1( B2) đang tranh chấp thuộc trường hợp được giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân, tuy nhiên vì lý do đất đang tranh chấp nên chưa thể tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự khi đo vẽ bản đồ địa chính chưa có căn cứ giao cho ai, nên Ủy ban nhân dân xã T vẫn đứng tên quản lý, nhưng thực tế phần diện tích đất tranh chấp

trên hiện nay các hộ dân vẫn đang sử dụng. Do đó đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết cho đúng chủ sử dụng đất. Đại diện Ủy ban nhân dân xã T yêu cầu các hộ dân nên thương lượng chia nhau cùng sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban chỉ huy quân sự huyện C do ông Hứa Văn H đại diện trình bày: Đối với diện tích 24,0m<sup>2</sup> (Đất lâm nghiệp) thuộc một phần của thửa đất số 83, tờ bản đồ địa chính số 04, tỷ lệ 1/10.000, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tên người sử dụng, quản lý là Ban chỉ huy quân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn, hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Ban chỉ huy quân sự vẫn đang quản lý để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương đề nghị các hộ dân giữ nguyên hiện trạng. Nay các hộ dân không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết Ban chỉ huy quân sự không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Tô Văn B; ông Tô Văn S; bà Hà Thị T1 đều trình bày: Khu rừng P do ông cha để lại, những cây thông to do bà Y lấy hạt thông về vãi từ năm 1987 mọc như hiện nay và một số cây quýt đã trồng trước đó, hàng năm gia đình vẫn thường xuyên chăm sóc, quản lý, sử dụng thu hái và cạo nhựa thông, gia đình ông Đặng Văn B1( B2) không ai có ý kiến gì. Việc ông P ( B2) khai năm 2005 ông Đặng Thụy L1 đến tranh chấp với ông P, Ủy ban nhân dân xã hòa giải và giao cho gia đình ông Đặng Văn B1( B2) quản lý, gia đình ông B, ông S và bà Toàn không ai biết. Nay gia đình ông Đặng Văn B1( B2) cho là rừng của ông và yêu cầu được quản lý, sử dụng, ông Tô Văn S, ông Tô Văn B và bà Hà Thị T1 không chấp nhận và cùng có yêu cầu đề nghị Tòa án giao diện tích đất tranh chấp cho gia đình cụ thể là cho nguyên đơn được quyền quản lý và sử dụng đất tranh chấp và quyền sở hữu toàn bộ cây có trên đất tranh chấp, như đã nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T2 trình bày: Về nguồn gốc quá trình sử dụng đất tranh chấp nhưng ông Đặng Văn B1( B2) (chồng bà) đã trình bày là đúng, kể từ ngày bà về làm dâu (lấy ông P) đã được nghe mẹ chồng nói là rừng “P” những cây quýt do mẹ trồng, còn cây thông là do ông Đặng Văn B1( B2) trồng, hàng năm bà và gia đình vẫn thu hái, chăm sóc. Nay ông C khởi kiện đòi được quyền quản lý và sử dụng khu rừng trên bà không chấp nhận, bà có yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho gia đình bà được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp và quyền sở hữu tài sản có trên đất như đã nêu trên.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân các cấp giải quyết, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm nhiều lần.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 163, Điều 169; khoản 1 Điều 221; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2, 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai;

Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 74; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 165; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tạm giao cho phía nguyên đơn ông Tô Văn C được quyền quản lý và sử dụng diện tích 8200,5m<sup>2</sup> đất rừng thuộc một phần diện tích đất thửa số 84 tờ bản đồ địa chính số 04 địa danh P, thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có các hướng tiếp giáp và độ dài cụ thể:

- Hướng Đông Bắc giáp ruộng bà Hà Thị T1 và ông Tô Văn B, được xác định từ điểm A đến 4, dài 80,67m (Gồm các đoạn có độ dài 6,83m + 4,11m + 8,22m + 9,34m + 16,52m + 13,20m + 16,63m + 5,82m);

- Hướng Tây Nam giáp rừng ông Lộc Văn B4, được xác định từ điểm B đến 13, dài 10,0m;

- Hướng Tây Bắc giáp thửa đất số 72 (Phần đất giao cho bị đơn), được xác định từ điểm A đến B (Ranh giới thửa đất lâm nghiệp), dài 162,70m.

- Hướng Đông Nam giáp rừng ông Tô Văn S, Đặng Văn S1, Đặng Văn T3, được xác định từ điểm 13 đến 4, dài 213,47m ( Gồm các đoạn có độ dài 16,93m + 11,05m + 6,66m + 7,73m + 6,84m + 22,81m + 10,87m + 22,11m + 22,82m + 14,16m + 11,17m + 18,58m + 7,63m + 11,59m + 14,0m + 8,47m).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của phía bị đơn ông Đặng Văn B1( B2): Tạm giao cho phía bị đơn ông Đặng Văn B1( B2) được quản lý và sử dụng diện tích 9181,2m<sup>2</sup> thuộc một phần diện tích đất của thửa số 72, tờ bản đồ địa chính số 04 địa danh P, thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có các hướng tiếp giáp và độ dài cụ thể:

- Hướng Đông Bắc giáp mép nương và vườn quả, được xác định từ điểm A đến 1, dài 136,72m (Gồm các đoạn có độ dài 7,87m + 8,22m + 9,06m + 9,95m + 16,12m + 21,87m + 36,63m);

- Hướng Tây Nam, giáp rừng ông Lộc Văn B4, được xác định từ điểm B đến 12, dài 63,99m ( Gồm các đoạn có độ dài 5,30m + 7,52m + 22,97m + 28,20m)

- Hướng Tây Bắc giáp đất lâm nghiệp của ông Đặng Văn L, được xác định từ điểm 1 đến điểm 12, dài 106,58m;

- Hướng Đông Nam giáp thửa đất số 84 ( Phần đất giao cho nguyên đơn), được xác định từ điểm A đến B (Ranh giới thửa đất lâm nghiệp), dài 162,70m. (Chi tiết thửa đất các bên được quyền quản lý và sử dụng được mô tả trong mảnh trích đo địa chính số 03-2016 ngày 16/6/2016 và phụ lục đính kèm ngày 16/8/2018, đính kèm bản án)

3. Tài sản trên đất: Cây quýt, cây thông và cây gỗ tạp có trên đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của bên nào thì bên đó được quyền sở hữu.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 24,0m<sup>2</sup> (Đất lâm nghiệp) thuộc một phần của thửa đất số 83, tờ bản đồ địa chính số 04, tỷ lệ 1/10.000, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tên người sử dụng, quản lý là Ban chỉ huy quân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn và 279,5m<sup>2</sup> (Đất nông nghiệp) thuộc thửa số 21, tờ bản đồ địa chính số 47, tỷ lệ 1/10.000, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tên người quản lý, sử dụng: Ông Tô Văn B và bà Hà Thị T1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Ông Đặng Văn B1( B2) không được có hành vi cản trở gia đình nguyên đơn thực hiện quyền của người sử dụng đất đối với diện tích được giao 8200,5m<sup>2</sup> như nêu trên.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ số tiền 2.840.850 đồng án phí dân sự giá ngạch cho phía nguyên đơn; miễn toàn bộ số tiền 2.595.675 đồng án phí dân sự có giá ngạch cho bị đơn.

Hoàn trả cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn anh Tô Văn S số tiền 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số (Do bà Hà Thị T1 nộp)

7. Chi phí xem xét thẩm định: Mỗi bên đương sự phải chịu 2.750.000 đồng. Xác nhận nguyên đơn đã chi 1.700.000 đồng, bị đơn đã chi số tiền 3.800.000 đồng. Nay nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho bị đơn số tiền 1.050.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn báo cho các đương sự biết về quyền kháng cáo theo quy định.

Không nhất trí với nội dung Bản án, trong hạn luật định người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tô Văn S và bị đơn ông Đặng Văn B1( B2) đều kháng cáo Bản án và cùng yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tô Văn S giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị đơn ông Đặng Văn B1 (B2) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST, ngày 31/10/2018 của TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, công nhận quyền quản lý hợp pháp diện tích đất tranh chấp cho nguyên đơn và sở hữu số cây thông, gỗ tạp còn lại trên đất cho nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm. Việc vắng mặt bị đơn ông Đặng Văn B1(

B2), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T2, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đình chỉ việc kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn B1( B2).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

[2] Xét thấy cả 02 nguyên đơn ông Tô Văn C và bà Hoàng Thị Y đều đã chết nhưng có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Tô Văn B và Tô Văn S nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử. Về việc vắng mặt người kháng cáo bị đơn ông Đặng Văn B1 (B2) đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, vắng mặt lần 1 ngày 22/02/2019, lần 2 ngày 14/3/2019, lần 3 ngày 26/3/2019, lần 4 ngày 28/5/2019 vắng mặt đều không có lý do nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn P.

[3] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tô Văn S, yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST, ngày 31/10/2018 của TAND huyện C: Công nhận quyền quản lý sử dụng hợp pháp của nguyên đơn đối với diện tích 17381,7m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa số 72 và một phần thửa số 84 tờ bản đồ số 04 P, bản đồ địa chính xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu tài sản trên đất gồm 259 cây thông, 6 cây quýt và các cây gỗ tạp; Buộc bị đơn ông Đặng Văn B1( B2) chấm dứt mọi hành vi tranh chấp khu rừng trên đối với gia đình ông.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với diện tích 17381,7 m<sup>2</sup> trên đất có 259 cây thông đường kính từ 12 đến 42cm, 06 cây quýt cho hái quả trên 07 năm và một số cây gỗ tạp thuộc một phần thửa đất số 72 và 84, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã T, thuộc địa danh: Rừng P, thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có nguồn gốc của ông cha nguyên đơn để lại thể hiện tại bút lục 34 bà Nông Thị Thoa khai: *“...Năm 1980 tôi về làm dâu ở xóm N, thôn K, xã T, huyện C đã thấy ông Tô Văn C và bà Hoàng Thị Y là bố mẹ ông Tô Văn B (ông B là chồng bà Hà Thị T1), quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng khu rừng này, sau này giao cho Tô Văn B và Tô Văn S..”*; Tại bút lục 87-88 người làm chứng ông Đặng Văn S1 khai: *“...Khu rừng hiện nay đang tranh chấp, tôi vẫn thấy từ trước đến nay, bố, mẹ ông Tô Văn B và sau này bà Toàn và ông B khai thác quản lý, cụ thể không cho người khác vào khu rừng hái củi và chặt cây trong đó... tôi chưa thấy ông Đặng Văn B1 cũng như gia đình ông P quản lý chăm sóc khu rừng tranh chấp bao giờ... Tôi chỉ thấy gia đình bà Toàn hằng năm vẫn thu hái quýt, hái củi, phát cỏ để trồng sắn, việc làm thường xuyên này đã diễn ra từ lâu, bà Toàn vẫn trồng cây nhưng không thấy gia đình ông P nói gì..”* và tại phiên tòa sơ thẩm ông Đặng Văn S1 cũng vẫn giữ nguyên nội dung lời khai trên; tại bút lục số 102 người làm chứng ông Đặng Văn L

khai: “... Tôi vẫn thấy vợ chồng T1, B canh tác, chăm sóc ở khu rừng tranh chấp từ lâu rồi, riêng cây thông to thì khi tôi lớn đã thấy có rồi và đây là cây thông vãi hạt chứ không phải trồng bằng cây con...”; Tại bút lục số 93, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/04/2013 đã khẳng định: “Cây trồng không có hàng lối, kích cỡ chủng loại không đồng đều...” chứng cứ này phù hợp nội dung tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Hội đồng xét xử ngày 30/10/2018 cũng có kết luận cây thông mọc không đều nhau, chỗ thưa, chỗ dày. Như vậy những căn cứ này phù hợp với lời khai của ông Tô Văn C, ông Tô Văn S, Tô Văn Đ, Tô Văn M và trong đơn khởi kiện nguyên đơn cũng nêu rõ “.. Những cây thông to là do gia đình tôi trồng và gieo hạt...”.

[5] Theo lời khai của nguyên đơn thì năm 1987 gia đình nguyên đơn có bà Hoàng Thị Y gieo hạt và trồng thông từ năm 1995 đến năm 2000 trở lại đây năm nào gia đình nguyên đơn cũng trồng dặm và có cả cây thông do phát tán tự mọc, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Tòa án tiến hành lấy mẫu giám định tuổi cây, bà Hà Thị T1 khẳng định: “.. mẹ chồng bà là cụ Hoàng Thị Y đã trực tiếp trồng thông ở khu vực đang có tranh chấp vào năm 1987...”. Những lời khai phù hợp với kết quả giám định tuổi cây của Chi cục phát triển lâm nghiệp Lạng Sơn số: 53/PTLN-KL ngày 11/04/2012

[6] Ngày 09 tháng 4 năm 2019, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Tô Văn S, ông Tô Văn B có đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định tuổi cây. Ngày 16/4/2018 Tòa án tỉnh Lạng Sơn ban hành công văn số 213/CV-TA ngày 16/4/2019 về việc trưng cầu tổ chức giám định tuổi cây thông. Ngày 23/4/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã thành lập hội đồng tiến hành lập biên bản lấy mẫu cây giám định. Ngày 03/5/2019 Viện nghiên cứu công nghệ rừng, bộ môn khoa học gỗ, Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam có kết quả giám định căn cứ kết quả phân tích xác định số vòng năm của mẫu thớt gỗ cây Thông có tuổi  $21 \pm 1$  năm. Kết quả này phù hợp với lời khai của nguyên đơn là hàng năm vẫn trồng dặm và có cây thông mọc do tự phát tán.

[7] Lời khai ông Đặng Văn B1( B2) “...Gia đình ông đã quản lý khu rừng P từ lâu, trên diện tích đất tranh chấp có một số cây quýt do mẹ tôi trồng từ trước.... năm 1995 tôi trực tiếp trồng nhiều cây thông, nay đã lớn đến tuổi khai thác...”. Như vậy từ lúc nguyên đơn khởi kiện ngày 10/8/2010 đến ngày 20/7/2011 ông Đặng Văn B1( B2) vẫn khẳng định: Trên rừng chỉ có mấy cây quýt do mẹ ông trồng và năm 1995 ông P trồng duy nhất một lần thông và tính đến thời điểm lấy mẫu cây (ngày 04/04/2012) là 17 tuổi. Nhưng kết quả giám định không có mẫu nào phù hợp với lời khai của ông Đặng Văn B1( B2). Sau khi có kết quả giám định về tuổi cây (thông báo kết quả giám định ngày 11/04/2012), ngày 16/5/2012 Tòa án tổ chức hòa giải thì ông P ( B2) bắt đầu thay đổi lời khai cho rằng: Số cây thông to là do Hợp tác xã trồng là không có căn cứ. Năm 2005 tranh chấp giữa ông Đặng Văn B1( B2) với ông Đặng Thụy L1 gia đình nguyên đơn vẫn đang quản lý và sử dụng khu rừng này không có tranh chấp.

[8] Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 05/01/2010 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Tô Văn B với ông Đặng Văn B1( B2) là không đúng thẩm quyền đã được thu hồi.

[9] Bị đơn ông Đặng Văn B1( B2) kháng cáo Bản án số 05/2018/DS-ST, ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết cho ông được quyền quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất 17381,7m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 72 và 84, tờ bản đồ số 04 bản đồ địa chính xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thuộc địa danh: Rừng P, thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ 259 cây thông đường kính từ 12-42cm, 06 cây quýt cho hái quả trên 7 năm và một số cây gỗ tạp trên diện tích đất tranh chấp. Ông P ( B2) khai nguồn gốc đất là do ông cha để lại nhưng ông lại không đưa ra được bằng chứng nào để chứng minh, những người dân có đất liền kề đều không có ai thừa nhận là diện tích đất tranh chấp là đất của ông cha ông P ( B2) để lại, ngay cả anh Đặng Văn L (là anh em họ với ông P ( B2)) đều khai“...*vẫn thấy vợ chồng bà Toàn, ông B (con dâu, con trai ông C, bà Y) canh tác, chăm sóc khu rừng tranh chấp này từ lâu...*”.

[10] Còn việc ông Đặng Văn B1( B2) cho rằng năm 2005, chính ông Đặng Thụy L1(là bác ruột) cũng đến tranh chấp tại khu rừng này với ông, Ủy ban nhân dân xã T đã giải quyết giao cho ông được quản lý, phía ông Tô Văn C, bà Hoàng Thị Y không ai có ý kiến gì, năm 2008 khi UBND xã đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới xảy ra tranh chấp. Việc tranh chấp giữa ông và gia đình ông C, Ủy ban nhân dân xã giao cho ông P ( B2) quản lý, sử dụng đã được UBND huyện ra quyết định thu hồi, nên việc tranh chấp giữa ông Lâm và ông P trước đây không liên quan gì đến quá trình giải quyết của vụ án.

[11] Ông Đặng Văn B1( B2) trình bày có nhiều mâu thuẫn, lời khai trước và sau không thống nhất, thể hiện qua biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì cả 03 lần đều do ông P ( B2) trực tiếp chỉ mốc giới tranh chấp, thì cả 03 lần thể hiện mốc giới và diện tích khác nhau (lần 1 là 1,9ha; lần 2 là 1,5ha; lần 03 là 1,84ha; còn tại kết luận giám định tư pháp ngày 25/8/2016 kết luận khu đất tranh chấp có tổng diện tích là 17381,7m<sup>2</sup> ). Tại lời khai ngày 26/10/2010 và biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2015 ông P ( B2) khai “...*năm 1995 ông trực tiếp trồng thông, nay đã đến tuổi khai thác...*”, tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2012 ông P ( B2) lại khai “...*tôi đã trồng 01 hàng thông thẳng để ngăn cách...*” nhưng tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/4/2013 thể hiện “...*trên rừng có nhiều cây thông... không có hàng lối, không đúng kích thước quy định...*”; Tại biên bản lấy mẫu giám định tuổi cây thông ngày 04/4/2012 (BL 81) mẫu cây do phía nguyên đơn chỉ lấy để giám định trồng năm 1987 (mẫu 01); cây thông do ông Đặng Văn B1( B2) chỉ lấy để giám định, ông khẳng định trồng năm 1995 (mẫu 02).

[12] Tại thông báo kết quả Giám định số 53/PTLN-KT ngày 11/4/2012 của Chi cục Phát triển Lâm nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lạng Sơn đã kết luận:

- Mẫu 01 (đường kính trung bình mặt trên 35cm, mặt dưới 40cm) là 25 tuổi (sai số  $\pm 01$  năm).

- Mẫu 02 (đường kính trung bình mặt trên 20cm, mặt dưới 24cm) là 14 tuổi (sai số  $\pm 01$  năm). Tuổi của mẫu gỗ thông đã giám định được tính đến hết năm 2011.

Ông Đặng Văn B1( B2) khẳng định cây thông ông trồng năm 1995, như vậy tính đến hết năm 2011 là tròn 17 tuổi, nhưng kết quả giám định (mẫu 02) do ông cung cấp là 14 tuổi, chênh lệch 03 tuổi.

- Tuổi của mẫu gỗ cây thông được giám định theo biên bản lấy mẫu cây giám định ngày 16/4/2019, kết quả có tuổi (21 $\pm$ 1), chênh lệch 03 tuổi.

[13] Đối với tuổi của mẫu gỗ cây thông được giám định gia đình nguyên đơn cho rằng hàng năm vẫn trồng dặm, những cây thông nhỏ trồng từ năm 1995 đến năm 2000 trở lại đây và có cây thông mọc do tự phát tán, tính đến hết năm 2019 là tròn 19 tuổi, kết quả giám định là 21 tuổi (sai số  $\pm 01$  năm), là tương đối phù hợp với lời khai của gia đình nguyên đơn.

[14] Từ những căn cứ như đã phân tích ở trên Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn C và bà Hoàng Thị Y được quyền sử dụng đất rừng tại “P” có diện tích 17381,7m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 72; thửa đất số 84, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên đất gồm 259 cây thông có đường kính từ 12 đến 42 cm, 06 cây quýt đã thu hoạch trên 07 năm và một số cây gỗ tạp khác. Do cấp sơ thẩm nhận định đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, toàn diện nên cần áp dụng khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 309; khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nhận định trên phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa.

[15] Về án phí: Bị đơn ông Đặng Văn B1( B2) phải chịu án phí dân sự nhưng do bị đơn ông Đặng Văn B1( B2) là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí phải nộp trên cho bị đơn ông Đặng Văn B1( B2). Hoàn trả cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là anh Tô Văn S số tiền 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[16] Chi phí Tố tụng : Ngày 20/3/2015 nguyên đơn chi phí với số tiền 1.700.000 đồng; ngày 30/10/2018 bị đơn ông Đặng Văn B1( B2) chi phí số tiền 3.800.000 đồng. Ngày 24/4/2019 người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn chi phí số tiền giám định tuổi cây là 5.039.300đ. Bị đơn ông Đặng Văn B1( B2) phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định, chi phí giám định tuổi cây đối với yêu cầu của mình không được chấp nhận. Số tiền này nguyên đơn đã nộp chi phí do vậy ông Đặng Văn B1 phải trả cho nguyên đơn. Chi phí giám định (Thuê trích đo địa chính khu đất tranh chấp): Tại cấp sơ thẩm các bên thỏa thuận mỗi bên chịu ½ chi phí thuê đo để có mảnh trích đo số 03/2016. Các bên đã nộp đủ đã chi phí hết. Chi phí định giá tài sản: Do các bên không yêu cầu định giá lại, đề nghị Tòa án căn cứ vào các biên bản định giá ngày 04/4/2012 và ngày 04/4/2013 để xem xét, số tiền chi phí đã được xem xét tại quyết định số 08/2013/QĐST-DS ngày 06/5/2013, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[17] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 163, Điều 169; khoản 1 Điều 221;  
khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2, 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai;

Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 39, khoản 1 Điều 74; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 159; Khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 165; điểm d khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn B1( B2).

**2.** Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Tô Văn C, Hoàng Thị Y và người kế thừa tố tụng là ông Tô Văn S, Tô Văn B, sửa Bản án số 05/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

**2.1.** Ông Tô Văn S, Tô Văn B có quyền quản lý sử dụng diện tích 17381,7m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 72 và một phần thửa đất số 84, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn tại “ P” có các điểm (từ điểm 1 -2 giáp mép vườn quả, từ điểm 3 – 4 giáp nương; từ điểm 4 – 6 giáp đất ông Tô Văn C; từ điểm 6 – 9 giáp đất rừng ông Đặng Văn T3; từ điểm 9 – 12 giáp đất rừng ông Lộc Văn B4; từ điểm 12 – 1 giáp đất rừng ông Đặng Thụy Lâm) (*có sơ họa thửa đất tranh chấp kèm theo*). Ông Tô Văn S, Tô Văn B có quyền sở hữu toàn bộ cây trồng, cây tự mọc và những cây gỗ tạp khác có trên diện tích đất 17,381,7m<sup>2</sup>.

**2.2** Ông Đặng Văn B1( B2) và gia đình Phải giao toàn bộ diện tích 17381,7m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 72 và một phần thửa đất số 84, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn tại “ P” có các điểm (từ điểm 1 -2 giáp mép vườn quả, từ điểm 3 – 4 giáp nương; từ điểm 4 – 6 giáp đất ông Tô Văn C; từ điểm 6 – 9 giáp đất rừng ông Đặng Văn T3; từ điểm 9 – 12 giáp đất rừng ông Lộc Văn B4; từ điểm 12 – 1 giáp đất rừng ông Đặng Thụy Lâm) (*có sơ họa thửa đất tranh chấp kèm theo*) cho ông và không được có hành vi cản trở gia đình nguyên đơn thực hiện quyền của người sử dụng đất đối với diện tích được giao như nêu trên.

**2.3** Ông Tô Văn S, Tô Văn B có quyền được kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 17381,7m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 72 và một phần thửa đất số 84, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn tại “ P”(có sơ họa thửa đất tranh chấp kèm theo)

**3.** Về chi phí xem xét thẩm định và giám định tuổi cây: Ông Đặng Văn B1 phải chịu toàn bộ số tiền 10.539.300đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí giám định cây. Xác nhận nguyên đơn đã chi 6.739.300đ đồng, bị đơn đã chi số

tiền 3.800.000 đồng. Bị đơn ông Đặng Văn B1 có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 6.739.300đ (sáu triệu, P trăm ba mươi chín ngàn, ba trăm đồng) cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là ông Tô Văn S; Tô Văn B.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

**4. Về án phí:** Nguyên đơn, bị đơn được miễn toàn bộ số án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là ông Tô Văn S, Tô Văn B số tiền 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2011/01947 ngày 04/11/2014 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7 , 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Cao Lộc. T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS. H. C. T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP, Tòa DS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lộc Sơn Thái**